

# BẢO ĐẢM QUYỀN RIÊNG TƯ KHI ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐIỀU TRA TỔ TỤNG ĐẶC BIỆT THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ

HỒ THANH GIANG  
Trưởng Đại học Cảnh sát nhân dân

Nhận bài ngày 20/11/2025. Sửa chữa xong 30/12/2025. Duyệt đăng 15/01/2026.

## Abstract

Special investigative measures are a new legal institution introduced by Vietnam's 2015 Criminal Procedure Code to meet the requirements of crime prevention and control in the new context. These measures can affect human rights, particularly the right to privacy, which is recognized and protected under Vietnamese law. This article clarifies Vietnamese legal provisions on privacy and analyzes how special investigative measures may impact this right in practice. It also presents viewpoints aimed at promoting a more unified understanding and interpretation of the 2015 Criminal Procedure Code provisions on special investigative measures, thereby strengthening the protection of privacy during their application.

**Keywords:** Application, Criminal Procedure Code, right to privacy, special investigative measures, understanding, viewpoint.

## 1. Đặt vấn đề

Nhằm tháo gỡ vướng mắc trong thực tiễn đấu tranh chống tội phạm, đặc biệt là đối với các đối tượng lợi dụng sự phát triển của công nghệ thông tin để hoạt động phạm tội, đồng thời mở rộng nguồn chứng cứ có giá trị trực tiếp chứng minh hành vi phạm tội cũng như tạo cơ sở pháp lý để thực thi các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã quy định về các biện pháp điều tra tố tụng với những điều luật cụ thể. Theo quy định tại Điều 223 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt như: ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử. Các thông tin, tài liệu thu thập được từ các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đều tồn tại dưới dạng dữ liệu điện tử và được sử dụng như một nguồn chứng cứ hợp pháp, có giá trị để chứng minh tội phạm. Tuy nhiên, so với các loại chứng cứ khác, kể cả chứng cứ là dữ liệu điện tử được thu thập từ các biện pháp điều tra thông thường, việc sử dụng các thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt cần phải tuân thủ một số quy định mang tính đặc thù, điều này xuất phát từ cách thức thu thập loại chứng cứ này và sự tác động của nó đến quyền riêng tư của con người. Do đó, để đảm bảo yêu cầu đặt ra, chủ thể có thẩm quyền tiến hành cần nhận thức và áp dụng đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, nhất là việc sử dụng chứng cứ là dữ liệu điện tử thu được từ các biện pháp này trong tố tụng hình sự.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Quyền riêng tư trong pháp luật Việt Nam và sự ảnh hưởng của các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đến quyền riêng tư

#### 2.1.1. Quyền riêng tư trong pháp luật Việt Nam

Điều 12 Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (UDHR) đã khẳng định: "Không ai có thể bị xâm phạm một

Email: giangtheo@gmail.com

cách độc đoán vào đời tư, gia đình, nhà ở, thư tín, hay bị xúc phạm đến danh dự hay thanh danh. Ai cũng có quyền được luật pháp bảo vệ chống lại những xâm phạm ấy” [4]. Quyền này một lần nữa được khẳng định tại Công ước Quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR), theo đó, Điều 17 Công ước quy định: “Không ai bị can thiệp một cách tùy tiện hoặc bất hợp pháp vào đời sống riêng tư, gia đình, nhà ở, thư tín hoặc bị xâm phạm bất hợp pháp đến danh dự và uy tín” [2]. Là một trong những quốc gia thành viên của các điều ước quốc tế trên, Việt Nam đã không ngừng hoàn thiện các cơ chế để đảm bảo quyền con người nói chung và quyền riêng tư nói riêng, trong đó có các quy định của pháp luật.

Trước khi Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền được thông qua, cùng với quyền con người, quyền công dân thì một số nội dung về quyền riêng tư cũng đã được ghi nhận ngay trong bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta và tiếp tục ngày càng được bổ sung hoàn thiện đầy đủ, rõ ràng hơn tại các bản Hiến pháp năm 1959, 1980, 1992 và nhất là tại Hiến pháp năm 2013. Điều 21 Hiến pháp năm 2013 quy định: “1. Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn. 2. Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác. Không ai được bóc mở, kiểm soát, thu giữ trái luật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư của người khác” [5].

Cụ thể hóa Hiến pháp, trong các văn bản quy phạm pháp luật ở từng lĩnh vực, nội dung về quyền riêng tư cũng đã được quy định cụ thể, điển hình: Điều 38 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình như sau: “1. Đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ. 2. Việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân phải được người đó đồng ý, việc thu thập, lưu giữ, sử dụng, công khai thông tin liên quan đến bí mật gia đình phải được các thành viên gia đình đồng ý, trừ trường hợp luật có quy định khác. 3. Thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân được bảo đảm an toàn và bí mật. Việc bóc mở, kiểm soát, thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác chỉ được thực hiện trong trường hợp luật quy định. 4. Các bên trong hợp đồng không được tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của nhau mà mình đã biết được trong quá trình xác lập, thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác” [3]. Khoản 2 Điều 64 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định: “2. Việc quản lý, sử dụng và quy định danh mục phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phải bảo đảm các yêu cầu, điều kiện sau đây: a) Tôn trọng quyền tự do, danh dự, nhân phẩm, bí mật đời tư của công dân, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của cá nhân và tổ chức;...” [6]; hay tại khoản 4 Điều 3 của luật này cũng quy định: “Trong quá trình xử lý người chưa thành niên vi phạm hành chính, bí mật riêng tư của người chưa thành niên phải được tôn trọng và bảo vệ” [6]. Điều 12 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định về nguyên tắc bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín của cá nhân: “Không ai được xâm phạm trái pháp luật chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của cá nhân. Việc khám xét chỗ ở; khám xét, tạm giữ và thu giữ thư tín, điện thoại, điện tín, dữ liệu điện tử và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác phải được thực hiện theo quy định của Bộ luật này” [7].

Để xử lý các hành vi xâm phạm đến quyền riêng tư, pháp luật Việt Nam cũng đã có những quy định về vấn đề này với những chế tài phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm ở từng lĩnh vực cụ thể, như: Điều 387 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “...2. Trường hợp một bên nhận được thông tin bí mật của bên kia trong quá trình giao kết hợp đồng thì có trách nhiệm bảo mật thông tin và không được sử dụng thông tin đó cho mục đích riêng của mình hoặc cho mục đích trái pháp luật khác. 3. Bên vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này mà gây thiệt hại thì phải bồi thường” [3]. Khoản 3 Điều 102 Nghị định số 15/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông

tin mạng và giao dịch điện tử (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022 của Chính phủ) quy định như sau: “Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: m) Tiết lộ thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;... o) Chiếm đoạt thư, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa trên mạng dưới bất kỳ hình thức nào; p) Cố ý lấy các thông tin, nội dung của thư, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa trên mạng; q) Nghe, ghi âm cuộc đàm thoại trái pháp luật; r) Thu giữ thư, điện báo, điện tín trái pháp luật” [1]. Điều 159 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về tội xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác: “1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm: a) Chiếm đoạt thư tín, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa bằng mạng bưu chính, viễn thông dưới bất kỳ hình thức nào; b) Cố ý làm hư hỏng, thất lạc hoặc cố ý lấy các thông tin, nội dung của thư tín, điện báo, telex, fax hoặc văn bản khác của người khác được truyền đưa bằng mạng bưu chính, viễn thông; c) Nghe, ghi âm cuộc đàm thoại trái pháp luật; d) Khám xét, thu giữ thư tín, điện tín trái pháp luật; đ) Hành vi khác xâm phạm bí mật hoặc an toàn thư tín, điện thoại, điện tín, telex, fax hoặc hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác của người khác;...” [8].

Như vậy, có thể thấy, quyền riêng tư đã được pháp luật Việt Nam bảo vệ khá toàn diện, đầy đủ, phù hợp với các nội dung được nêu trong Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (UDHR) và Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị (ICCPR) và trên nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Trách nhiệm pháp lý được đặt ra đối với bất kỳ chủ thể vi phạm nào, đó có thể là công dân Việt Nam, người nước ngoài, các cơ quan, tổ chức, kể cả cơ quan, tổ chức Nhà nước.

### *2.1.2. Biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và sự ảnh hưởng đến quyền riêng tư*

Đặc điểm của các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là việc sử dụng các phương tiện, thiết bị kỹ thuật để ghi lại âm thanh, hình ảnh, nghe các cuộc điện thoại trao đổi và thu thập dữ liệu điện tử trên các thiết bị lưu trữ của người khác một cách bí mật. Chính đối tượng bị áp dụng không biết được các hoạt động này đang diễn ra và dĩ nhiên không được sự đồng ý của họ. Kết quả thu nhận được khi tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt là những thông tin liên quan đến đời sống riêng tư của con người, một đối tượng được luật pháp quốc tế và Việt Nam xác lập và bảo vệ.

Do tính chất nhạy cảm đó, dưới góc độ pháp lý, ngay việc ghi nhận các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong Bộ luật Tố tụng hình sự đã có sự ảnh hưởng nhất định đối với quyền riêng tư của con người, đó là quyền riêng tư của họ đã bị “hạn chế”, không còn ở tình trạng đầy đủ vốn có của nó; tuy nhiên, sự hạn chế này là phù hợp với Hiến pháp (Khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”) [5], phù hợp với yêu cầu chung của xã hội, thể hiện được chức năng của pháp luật trong điều chỉnh các mối quan hệ xã hội, trong đó có quyền riêng tư của con người.

Trong quá trình áp dụng, nếu xảy ra các vi phạm như: Áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt khi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trái với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và các quy định khác có liên quan; Tiết lộ, làm giả, thay đổi nội dung, chiếm đoạt, tiêu hủy, sử dụng trái pháp luật các tin, tài liệu, dữ liệu điện tử thu được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; Lợi dụng hoặc lạm dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt để xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc để trục lợi..., thì sự ảnh hưởng của các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đối với quyền riêng tư của con người không chỉ dừng lại ở mức độ “hạn chế” mà đó chính là sự xâm phạm. Sự xâm phạm này sẽ nghiêm trọng hơn khi các thông tin về quyền riêng tư của con người thu thập được từ

các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt bị sử dụng sai mục đích, ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của người khác.

## **2.2. Nhận thức thống nhất các quy định về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt để bảo đảm quyền riêng tư trong quá trình áp dụng**

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã có những quy định về các trường hợp có thể áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; thời điểm áp dụng; thẩm quyền, trách nhiệm quyết định và thi hành quyết định; thời hạn áp dụng; việc sử dụng thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt và các trường hợp hủy bỏ việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt... Các quy định này bảo đảm cho quyền riêng tư của con người không bị xâm phạm khi tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, như: Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định: “Thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ được sử dụng vào việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự; thông tin, tài liệu không liên quan đến vụ án phải tiêu hủy kịp thời. Nghiêm cấm sử dụng thông tin, tài liệu, chứng cứ thu thập được vào mục đích khác” [7]; Điều 228 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định khi có vi phạm trong quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt thì phải kịp thời hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Như vậy, về mặt cơ chế pháp lý, cơ bản đã đáp ứng được các yêu cầu trong việc bảo đảm quyền riêng tư của con người khi tiến hành các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

Để quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt thực sự là một cơ chế pháp lý hiệu quả trong việc bảo đảm quyền riêng tư của con người, quá trình áp dụng các quy định này, chủ thể tiến hành tố tụng cần thống nhất một số vấn đề nhận thức sau đây:

### **2.2.1. Dữ liệu điện tử thu thập được bằng việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có thể dùng làm chứng cứ để giải quyết vụ án**

Đối với các dữ liệu điện tử thu được bằng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có thể sử dụng trực tiếp để chứng minh tội phạm khi đảm bảo các thuộc tính chung của chứng cứ, đó là tính hợp pháp, tính khách quan và tính liên quan. Điều này đòi hỏi quá trình thu thập chứng cứ phải được thực hiện đúng trường hợp áp dụng, đúng thẩm quyền quyết định và thời hạn áp dụng; việc thu thập thông tin, tài liệu phải do các cơ quan chuyên trách thực hiện theo đúng các yêu cầu chỉ dẫn về nghiệp vụ, kỹ thuật để đảm bảo tính khách quan của chứng cứ thu thập được; Cơ quan điều tra phải phối hợp với Viện kiểm sát thống nhất việc sử dụng thông tin, tài liệu thu thập được từ các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt theo quy định của pháp luật trên cơ sở đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện các chứng cứ thu thập được, đảm bảo giá trị chứng minh của chứng cứ.

### **2.2.2. Chứng cứ là dữ liệu điện tử thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ được sử dụng vào việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự**

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ được áp dụng sau khi khởi tố vụ án hình sự; thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ được sử dụng vào việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự. Vụ án hình sự ở đây được hiểu là vụ án hình sự đã được khởi tố và các cơ quan có thẩm quyền đã ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đối với đối tượng liên quan đến vụ án đó. Điều này có nghĩa là cơ quan điều tra được sử dụng chứng cứ là dữ liệu điện tử thu thập được từ các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt để xác định một người hoặc pháp nhân thương mại đã thực hiện hành vi mà Bộ luật Hình sự quy định là tội phạm để làm căn cứ khởi tố bị can và làm rõ các vấn đề phải chứng minh trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự đã được khởi tố.

Đối với các chứng cứ là dữ liệu điện tử thu thập được bằng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt có giá trị chứng minh một hành vi phạm tội khác của đối tượng bị áp dụng trong vụ án đã khởi tố thì có được sử dụng như là chứng cứ chứng minh tội phạm để làm căn cứ thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự hay không? Một số quan điểm hiểu rằng Bộ luật Tố tụng hình sự chỉ cho phép sử dụng thông tin, tài liệu thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng

đặc biệt vào việc khởi tố bị can, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự, không được sử dụng vào việc khởi tố vụ án hình sự. Chúng tôi cho rằng, những chứng cứ thu thập được trong trường hợp này ít nhiều đều có liên quan đến vụ án hình sự đã được khởi tố, nó có thể làm thay đổi tội danh hoặc bổ sung thêm tội danh mới bên cạnh tội danh mà Cơ quan điều tra đã khởi tố trước đó; mặt khác, việc thay đổi hay bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự là các hoạt động tố tụng được tiến hành ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự hoặc truy tố. Do đó, việc sử dụng chứng cứ là dữ liệu điện tử thu được từ các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt để làm căn cứ thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự là đúng quy định. Để đảm bảo áp dụng thống nhất trường hợp này, các cơ quan có thẩm quyền cần có hướng dẫn cụ thể.

*2.2.3. Dữ liệu điện tử thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt không liên quan đến vụ án phải tiêu hủy kịp thời*

Đối với các dữ liệu điện tử không có giá trị chứng minh tội phạm, đó có thể là các thông tin, tài liệu liên quan đến cuộc sống riêng tư, sinh hoạt hàng ngày, các mối quan hệ cá nhân... của đối tượng bị áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt hoặc của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào không phục vụ cho mục đích chứng minh tội phạm cần phải tiêu hủy kịp thời.

Đối với các dữ liệu điện tử thu thập được bằng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt về hành vi phạm tội không liên quan đến vụ án mà Cơ quan điều tra đã khởi tố, đó có thể là thông tin, tài liệu liên quan đến vụ án khác hoặc liên quan đến các đối tượng khác, ngoài đối tượng bị áp dụng mà Cơ quan điều tra không chủ đích thu thập chứng cứ thì được sử dụng như thế nào? Theo cách hiểu về quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì đây là các thông tin, tài liệu không liên quan đến vụ án nên phải tiêu hủy kịp thời; Cơ quan điều tra không được sử dụng như là chứng cứ để làm căn cứ khởi tố vụ án hình sự mới hoặc để giải quyết vụ án hình sự khác. Về vấn đề này, chúng tôi đồng ý với một số quan điểm cho rằng, đây là các chứng cứ có giá trị chứng minh tội phạm, việc không được sử dụng và phải tiêu hủy các thông tin, tài liệu này sẽ lãng phí nguồn chứng cứ có giá trị chứng minh cao, có thể dẫn đến việc bỏ lọt tội phạm, vi phạm các nguyên tắc của hoạt động điều tra tội phạm, cho nên cần có những sửa đổi, bổ sung phù hợp hoặc hướng dẫn cụ thể của cơ quan có thẩm quyền theo hướng cho phép sử dụng các thông tin, tài liệu thu thập được trong trường hợp này để giải quyết vụ án hình sự.

Về việc tiêu hủy dữ liệu điện tử thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra cấp tỉnh cần trao đổi, thống nhất với Viện kiểm sát cấp tỉnh việc xử lý đối với thông tin, tài liệu này, đồng thời cần có những hướng dẫn cụ thể về việc tiêu hủy dữ liệu điện tử thu thập được bằng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt không liên quan đến vụ án để tránh việc lộ lọt thông tin và sử dụng những thông tin đó sai mục đích, ảnh hưởng đến quyền riêng tư của con người.

*2.2.4. Nghiêm cấm sử dụng dữ liệu điện tử thu thập được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt vào mục đích khác*

Đây là hành vi bị nghiêm cấm quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, nghiêm cấm việc sử dụng trái pháp luật các tin, tài liệu, dữ liệu điện tử thu được bằng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; nghiêm cấm việc lợi dụng hoặc lạm dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt để xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc để trục lợi. Đây là những vấn đề cần quán triệt và thực hiện nghiêm túc khi sử dụng chứng cứ là dữ liệu điện tử thu được bằng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Chứng cứ là dữ liệu điện tử thu được bằng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chỉ được sử dụng vào mục đích duy nhất là chứng minh tội phạm có liên quan đến vụ án đã được khởi tố. Việc sử dụng chứng cứ thu thập được vì những mục đích khác, cho dù là cố ý hay vô ý, có tư lợi cá nhân hay không đều là những hành vi vi phạm và cần phải xử lý nghiêm khắc. Để đảm bảo vấn đề này, cơ quan có thẩm quyền cần có những quy định cụ thể về quy trình tiến hành, nhất là việc kiểm soát hoạt động của chủ thể được phân công nhiệm vụ

trực tiếp tiến hành các hoạt động ghi âm, ghi hình, nghe điện thoại, thu thập dữ liệu điện tử trước, trong và sau khi tiến hành để tránh trường hợp lợi dụng nhiệm vụ được giao sử dụng các phương tiện, thiết bị cá nhân để lưu trữ các thông tin thu thập được, nhằm phục vụ cho mục đích cá nhân, từ đó xâm phạm đến quyền riêng tư của người khác.

### 3. Kết luận

Hoàn thiện quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, nhận thức và áp dụng đúng các quy định về các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt nhằm phát huy vai trò của Bộ luật Tố tụng hình sự trong việc bảo đảm quyền con người nói chung, quyền riêng tư nói riêng là yêu cầu quan trọng. Bên cạnh đó, việc nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của các chủ thể tiến hành cũng là yếu tố không thể thiếu. Nếu quy định chưa cụ thể, rõ ràng, chưa kịp thời điều chỉnh các tình huống pháp lý phát sinh trong thực tiễn, sẽ dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng; ngược lại, quy định của pháp luật có hoàn thiện nhưng người áp dụng pháp luật cố tình vi phạm thì cũng không đảm bảo được yêu cầu đặt ra. Bản thân mỗi chủ thể khi được giao nhiệm vụ phải luôn nêu cao ý thức, tinh thần trách nhiệm trong việc áp dụng pháp luật; nhận thức rõ và có ý thức tôn trọng, bảo vệ quyền riêng tư của người khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, từ đó điều chỉnh hành vi của mình phù hợp với yêu cầu của pháp luật; phải biết đặt uy tín, danh dự của bản thân và gia đình lên trên các lợi ích tầm thường khác. Như vậy, vừa hoàn thiện cơ chế pháp lý, vừa nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của chủ thể tiến hành sẽ phát huy hiệu quả của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nói chung và quy định về các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt nói riêng trong việc bảo đảm quyền con người, quyền riêng tư; có như vậy, các quyền này không chỉ thực sự được bảo đảm bằng các quy định pháp lý mà còn thực sự được bảo vệ tốt nhất trên thực tế.

#### Tài liệu tham khảo

[1] Chính phủ (2022). *Nghị định số 15/2020/NĐ-CP, ngày 03/02/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng và giao dịch điện tử (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 14/2022/NĐ-CP ngày 27/01/2022 của Chính phủ)*.

[2] Công ước Quốc tế về Quyền Dân sự và Chính trị (Được thông qua và đề nghị cho các quốc gia ký, phê chuẩn và gia nhập theo Nghị quyết số 2200 (XXI) ngày 16/12/1966 của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc. Có hiệu lực ngày 23/3/1976, căn cứ theo điều 49). Nguồn: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Cong-uoc-quoc-te-ve-quyen-dan-su-va-chinh-tri-270274.aspx>

[3] Quốc hội (2015). *Bộ luật Dân sự*. Luật số 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015.

[4] Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (1948). Nguồn: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Tuyen-ngon-quoc-te-nhan-quyen-1948-65774.aspx>.

[5] Văn phòng Quốc hội (2025). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (Văn bản hợp nhất số: 52/VBHN-VPQH, ngày 21/7/2025).

[6] Văn phòng Quốc hội (2025). *Luật Xử lý vi phạm hành chính* (Văn bản hợp nhất số: 63/VBHN-VPQH, ngày 15/8/2025).

[7] Văn phòng Quốc hội (2025), *Bộ luật Tố tụng hình sự* (Văn bản hợp nhất số: 104/VBHN-VPQH, ngày 27/8/2025).

[8] Văn phòng Quốc hội (2025), *Bộ luật Hình sự* (Văn bản hợp nhất số: 135/VBHN-VPQH, ngày 05/9/2025).